

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI



BÀI VIẾT

“Xuất khẩu rau quả Việt Nam cần đẩy mạnh đa dạng hóa thị trường”

Thuộc nhiệm vụ:

Truyền thông về các chính sách, giải pháp, hoạt động nhằm phát triển xuất nhập khẩu và công tác hội nhập, tận dụng cam kết quốc tế trên các bản tin và trang thông tin điện tử của Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại

Hà Nội, tháng 9/2026

Xuất khẩu rau quả Việt Nam cần đẩy mạnh đa dạng hóa thị trường

Trong 9 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu rau quả của Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, với kim ngạch ước tính đạt 7,36 tỷ USD, tăng 20,1% so với cùng kỳ năm 2025. Kết quả này được hỗ trợ bởi sự gia tăng xuất khẩu sang Trung Quốc và nhiều thị trường chủ lực khác, cùng cơ hội mở rộng đầu ra tại một số thị trường tiềm năng. Tuy nhiên, mức độ tập trung cao vào thị trường Trung Quốc và yêu cầu nhập khẩu ngày càng khắt khe tại các thị trường lớn vẫn là những thách thức lớn đối với ngành hàng. Trong bối cảnh đó, đa dạng hóa thị trường, nâng cao chất lượng sản phẩm và bảo đảm truy xuất nguồn gốc là những yếu tố quan trọng để duy trì tăng trưởng và nâng cao tính bền vững của xuất khẩu rau quả Việt Nam trong thời gian tới.

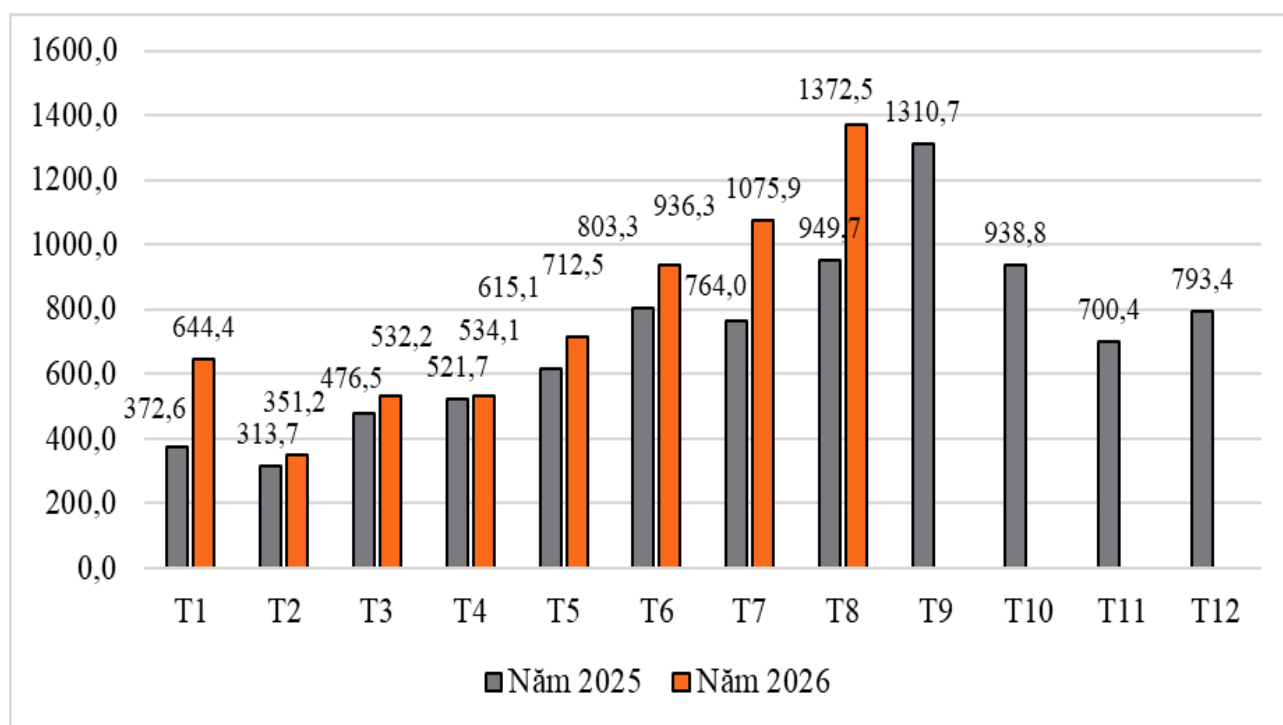
Trong năm 2026, xuất khẩu rau quả tiếp tục là một trong những điểm sáng của ngành nông sản Việt Nam, với kim ngạch tăng trưởng tích cực và cơ cấu mặt hàng ngày càng đa dạng. Nhu cầu đối với các loại trái cây nhiệt đới, cùng với việc mở rộng thị trường và cải thiện khả năng đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, kiểm dịch thực vật, truy xuất nguồn gốc, đã tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu. Tuy nhiên, hoạt động xuất khẩu vẫn đối mặt với những thách thức liên quan đến tiêu chuẩn kỹ thuật ngày càng khắt khe, biến động nhu cầu và sự phụ thuộc tương đối lớn vào một số mặt hàng chủ lực.

Theo ước tính, kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam đạt gần 1,21 tỷ USD trong tháng 9/2026, giảm 11,9% so với tháng trước và giảm 7,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, tính chung 9 tháng đầu năm 2026, tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam vẫn ghi nhận mức tăng trưởng 20,1% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt xấp xỉ 7,36 tỷ USD.

Xuất khẩu rau quả 8 tháng đầu năm 2026 ghi nhận tốc độ tăng trưởng tích cực

Theo số liệu thống kê của Cục Hải quan, trong tháng 8/2026, xuất khẩu rau quả của Việt Nam đạt 1,37 tỷ USD, tăng 27,57% so với tháng 7/2026 và tăng 44,51% so với tháng 8/2025. Đây là mức kim ngạch tháng cao nhất từ đầu năm 2026, góp phần đưa tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả trong 8 tháng đầu năm 2026 lên 6,15 tỷ USD, tăng 27,7% so với cùng kỳ năm 2025. Kết quả này tạo điều kiện thuận lợi để ngành rau quả tiếp tục mở rộng thị trường, đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao giá trị xuất khẩu trong những tháng cuối năm.

Biểu đồ: Xuất khẩu rau quả qua các tháng trong năm 2025-2026
(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam

Cơ cấu thị trường xuất khẩu:

Trong 8 tháng đầu năm 2026, cơ cấu thị trường xuất khẩu rau quả của Việt Nam ghi nhận diễn biến khá tích cực, với kim ngạch tăng tại phần lớn thị trường chủ lực và một số thị trường tiềm năng. Trong đó, đà tăng trưởng được hỗ trợ đáng kể bởi thị trường Trung Quốc, với kim ngạch chiếm tới 63% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam. Bên cạnh đó, nhiều thị trường khác như Hoa Kỳ, EU, Hàn Quốc, Nhật Bản, Australia và một số thị trường ASEAN tiếp tục ghi nhận mức tăng. Tuy nhiên, mức độ tập trung cao vào Trung Quốc vẫn là đặc điểm nổi bật của xuất khẩu rau quả, khiến kết quả chung chịu ảnh hưởng đáng kể từ nhu cầu, quy định nhập khẩu và tiến độ thông quan tại thị trường này.

Theo số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, trong 8 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc đạt 3,87 tỷ USD, tăng 38,83% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 63% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của cả nước. Riêng tháng 8/2026, kim ngạch đạt 1,06 tỷ USD, tăng 36,87% so với tháng trước và tăng 56,69% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả này cho thấy Trung Quốc tiếp tục là thị trường quan trọng nhất của ngành rau quả Việt Nam.

Bên cạnh Trung Quốc, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu rau quả lớn thứ hai của Việt Nam trong 8 tháng, với kim ngạch đạt 427,94 triệu USD, tăng 17,85% so với cùng kỳ năm trước. Riêng tháng 8, kim ngạch đạt 66,83 triệu USD, giảm 3,12% so với tháng trước nhưng tăng 41,14% so với cùng kỳ năm 2025.

Tiếp đến là EU đạt 287,03 triệu USD, tăng 19,72%. Trong khối EU, Hà Lan tiếp tục là thị trường xuất khẩu rau quả lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 152,37 triệu USD, tăng 38,24% so với cùng kỳ năm 2025. Đức đứng thứ hai với 78,83 triệu USD, tăng 43,14%, trong khi Pháp đạt 39,98 triệu USD, tăng 3,97%. Ngược lại, xuất khẩu sang Italy giảm 67,55% và Litva giảm 23,29%. EU là một trong những thị trường có yêu cầu cao nhất về chất lượng và an toàn thực phẩm. Do đó, để tận dụng tốt hơn cơ hội tại EU, doanh nghiệp cần nâng cao chất lượng sản phẩm, kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, bảo đảm an toàn thực phẩm và hoàn thiện hệ thống truy xuất nguồn gốc. Đồng thời, việc duy trì nguồn cung ổn định, đáp ứng quy cách đóng gói và tiêu chuẩn riêng của nhà nhập khẩu sẽ góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của rau quả Việt Nam tại thị trường này.

Đáng chú ý, một số thị trường ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao trong 8 tháng đầu năm 2026, như Campuchia tăng 125,05%, Nga tăng 39,41%, Hà Lan tăng 38,24%, Malaysia tăng 36,08%, Indonesia tăng 32,94%... Mặc dù kim ngạch tại một số thị trường còn khiêm tốn, những kết quả này cho thấy cơ hội mở rộng thị trường tiêu thụ vẫn hiện hữu, đặc biệt tại các thị trường khu vực và những thị trường có nhu cầu nhập khẩu tăng.

Diễn biến này cho thấy xuất khẩu sang các thị trường chủ lực ngoài Trung Quốc vẫn duy trì xu hướng tăng, góp phần mở rộng đầu ra cho sản phẩm rau quả Việt Nam. Tuy nhiên, xét về quy mô, kim ngạch xuất khẩu sang các thị trường này còn thấp hơn đáng kể so với Trung Quốc, cho thấy mức độ đa dạng hóa thị trường vẫn cần được cải thiện.

Ở chiều ngược lại, xuất khẩu rau quả sang một số thị trường giảm đáng kể. Trong đó, Italy giảm 67,55%, UAE giảm 36,08%, Litva giảm 23,29% và Thái Lan giảm 6,35% so với cùng kỳ năm 2025.

**Bảng: Xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang các thị trường trong tháng 8
và 8 tháng đầu năm 2026**

Thị trường	Tháng 8/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 7/2026 (%)	So với tháng 8/2025 (%)	8 tháng năm 2026 (Nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2025 (%)
Tổng XK	1.372.526	27,57	44,51	6.150.944	27,7
Trung Quốc	1.060.938	36,87	56,69	3.873.226	38,83
Hoa Kỳ	66.828	-3,12	41,14	427.936	17,85
EU	33.007	-3,31	-2,94	287.029	19,72
<i>Hà Lan</i>	<i>17.677</i>	<i>0,12</i>	<i>19,75</i>	<i>152.365</i>	<i>38,24</i>
<i>Đức</i>	<i>10.057</i>	<i>-3,56</i>	<i>24,65</i>	<i>78.830</i>	<i>43,14</i>
<i>Pháp</i>	<i>4.189</i>	<i>-8,58</i>	<i>-5,92</i>	<i>39.977</i>	<i>3,97</i>
<i>Italia</i>	<i>383</i>	<i>-50,63</i>	<i>-93,33</i>	<i>8.627</i>	<i>-67,55</i>
<i>Lítva</i>	<i>702</i>	<i>0,54</i>	<i>-28,7</i>	<i>7.230</i>	<i>-23,29</i>
Hàn Quốc	31.615	1,91	10,7	233.014	9,75
Nhật Bản	25.371	20,35	18,14	172.887	5,84
Đài Loan	16.656	-21,57	-24,17	120.807	1,89
Ôxtrâylia	14.703	27,41	21,81	97.530	10,12
Malaixia	8.787	-0,97	-12,39	85.646	36,08
Thái Lan	7.193	0,29	12,7	74.291	-6,35
Nga	7.393	-18,58	-9,14	65.883	39,41
Canada	8.434	12,89	17,72	61.940	25,97
Hồng Kông	7.964	9,58	7,54	59.147	3,66
Campuchia	7.186	56,39	44,19	48.755	125,05
UAE	6.202	-11,93	-9,77	48.738	-36,08
Anh	5.039	16,28	-12,31	44.279	15,24
Singapo	4.463	15,81	-1,06	32.018	7,44
Arập Xêút	1.928	42,08	15,75	16.429	23,78
Ai Cập	1.822	5,53	101,54	13.982	24,87
Lào	1.038	-0,36	41,59	12.014	62,89
Indônêxia	1.867	72,45	136,11	10.760	32,94
Xênegan	973	124,48	68,6	5.348	18,22
Nauy	462	1,58	41,79	3.382	22,52
Cadắcxtan	335	-36,27	16,28	2.896	24,64
Thụy Sĩ	271	30,84	8,15	2.333	6,22

Thị trường	Tháng 8/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 7/2026 (%)	So với tháng 8/2025 (%)	8 tháng năm 2026 (Nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2025 (%)
Ucraina	0	-100	-100	1.670	18,57
Côoét	175	535,76	-33,98	1.302	-43,12
Kiecgikistan				244	249,88

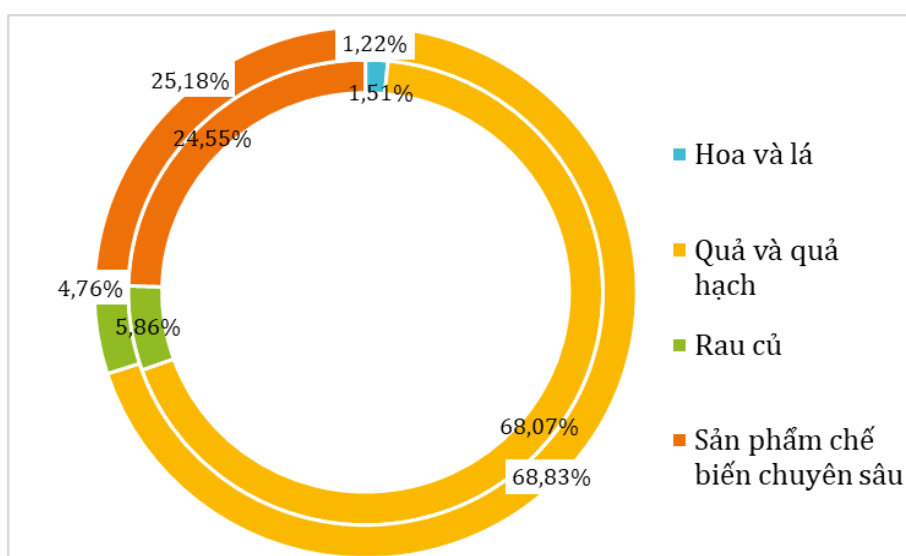
Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Cục Hải quan

Cơ cấu chủng loại mặt hàng rau quả của Việt Nam:

Trong 8 tháng đầu năm 2026, cơ cấu chủng loại rau quả xuất khẩu của Việt Nam tiếp tục có sự phân hóa rõ rệt, trong đó sầu riêng giữ vai trò chủ đạo và là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng chung của toàn ngành. Bên cạnh đó, các sản phẩm chế biến chuyên sâu (sấy khô/dẻo, chế biến đóng lon, nước ép) duy trì tỷ trọng cao (chiếm 25,18% trong 8 tháng đầu năm 2026), giúp nâng cao giá trị gia tăng và bớt phụ thuộc vào tiêu thụ tươi ngắn hạn.

Cơ cấu nhóm hàng rau quả Việt Nam xuất khẩu trong 8 tháng đầu năm

(Năm 2025: vòng trong; Năm 2026: vòng ngoài)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Kim ngạch xuất khẩu sầu riêng đạt 2,72 tỷ USD, tăng 52,08% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 44,27% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả, cao hơn đáng kể so với mức 37,17% của cùng kỳ năm trước. Việc tỷ trọng sầu riêng tiếp tục gia tăng cho thấy sức đóng góp nổi bật của mặt hàng này, đồng thời phản ánh mức độ tập trung ngày càng lớn của cơ cấu xuất khẩu vào một sản phẩm chủ lực. Đây vừa là lợi thế

trong việc khai thác nhu cầu thị trường, vừa đặt ra yêu cầu nâng cao năng lực kiểm soát chất lượng và chủ động ứng phó với những biến động có thể ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu mặt hàng này.

Bên cạnh sầu riêng, dừa, hạt dẻ cười, chanh leo và mít là những mặt hàng ghi nhận mức tăng trưởng tương đối tích cực. Trong đó, đứng thứ hai về kim ngạch là dừa, đạt 432,43 triệu USD, tăng 23,84% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 7,03% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả. Hạt dẻ cười đạt 362,86 triệu USD, tăng 99,98%, chiếm 5,9% tổng kim ngạch; chanh leo đạt 210,89 triệu USD, tăng 24,08% và mít đạt 177,14 triệu USD, tăng 12,79%.

Trong khi đó, thanh long đạt 361,91 triệu USD, giảm nhẹ 0,04%; xoài đạt 294,47 triệu USD, giảm 1,54%; chuối đạt 287,62 triệu USD, tăng nhẹ 1,24%;

Xét về tỷ trọng, bên cạnh sầu riêng, dừa và hạt dẻ cười là hai nhóm hàng có vị trí đáng kể trong cơ cấu xuất khẩu. Tuy nhiên, tỷ trọng của dừa giảm từ 7,25% trong 8 tháng đầu năm 2025 xuống 7,03% trong cùng kỳ năm 2026, mặc dù kim ngạch vẫn tăng 23,84%. Ngược lại, tỷ trọng hạt dẻ cười tăng từ 3,77% lên 5,9%, cùng với mức tăng kim ngạch gần gấp đôi so với cùng kỳ. Đối với các mặt hàng truyền thống như thanh long, xoài và chuối, việc duy trì quy mô xuất khẩu lớn nhưng tăng trưởng còn hạn chế cho thấy cần tiếp tục cải thiện khả năng cạnh tranh, chất lượng sản phẩm và hiệu quả khai thác thị trường.

Bên cạnh các mặt hàng có kim ngạch lớn, nhiều nhóm hàng rau quả khác ghi nhận tốc độ tăng trưởng đáng chú ý.

Trong 8 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu dâu tây tăng 164,61%, đỗ xanh tăng 155,73%, óc chó tăng 94,31%, nho tăng 91,99%, me tăng 71,53%, khoai tây tăng 52,14%, măng cầu tăng 45,01%, mứt tăng 43,59%... Mức tăng của các mặt hàng này cho thấy bên cạnh những sản phẩm xuất khẩu truyền thống, một số chủng loại khác cũng đang mở rộng kim ngạch và có khả năng đóng góp thêm vào tăng trưởng của ngành. Tuy nhiên, phần lớn các mặt hàng này vẫn chiếm tỷ trọng khá hạn chế, do đó chưa thể tạo ra tác động lớn đối với tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả.

Ở chiều ngược lại, xuất khẩu một số mặt hàng ghi nhận mức giảm đáng kể. Trong đó, vải giảm 61,29%; cam giảm 27,81%; dưa hấu giảm 12,43%; nhãn giảm 6,72%; chanh giảm 5,9%; gừng giảm 5,8% ... so với cùng kỳ năm trước.

Bảng: Chủng loại rau quả xuất khẩu của Việt Nam 8 tháng năm 2026

Chủng loại	8 tháng năm 2026 (Nghìn USD)	8 tháng năm 2025 (Nghìn USD)	So sánh (%)	Tỷ trọng (%)	
				8 tháng năm 2026	8 tháng năm 2025
Tổng	6.150.944	4.816.657	27,7	100	100
Sầu riêng	2.723.172	1.790.562	52,08	44,27	37,17
Dừa	432.431	349.186	23,84	7,03	7,25
Hạt dẻ cười	362.858	181.451	99,98	5,9	3,77
Thanh long	361.909	362.072	-0,04	5,88	7,52
Xoài	294.470	299.087	-1,54	4,79	6,21
Chuối	287.621	284.096	1,24	4,68	5,9
Chanh leo	210.885	169.956	24,08	3,43	3,53
Mít	177.144	157.062	12,79	2,88	3,26
Hạnh nhân	120.267	120.014	0,21	1,96	2,49
Ớt	92.085	87.205	5,6	1,5	1,81
Dứa	83.079	79.470	4,54	1,35	1,65
Bưởi	61.877	53.033	16,68	1,01	1,1
Hoa cúc	58.051	55.387	4,81	0,94	1,15
Chanh	56.117	59.634	-5,9	0,91	1,24
Dưa hấu	42.670	48.726	-12,43	0,69	1,01
Macadamia	38.276	28.441	34,58	0,62	0,59
Khoai lang	38.045	38.630	-1,52	0,62	0,8
Nhãn	37.112	39.786	-6,72	0,6	0,83
Vải	33.329	86.108	-61,29	0,54	1,79
Tỏi	31.513	24.303	29,67	0,51	0,5
Hạt mè	27.253	28.864	-5,58	0,44	0,6
Gừng	26.139	27.748	-5,8	0,42	0,58
Dưa chuột	25.064	22.043	13,7	0,41	0,46
Ngô	22.974	25.326	-9,29	0,37	0,53
Khoai tây	18.797	12.355	52,14	0,31	0,26
Cà tím	17.170	16.836	1,98	0,28	0,35
Đỗ	15.226	16.020	-4,96	0,25	0,33
Dâu tây	14.494	5.477	164,61	0,24	0,11
Mãng cầu	13.865	9.561	45,01	0,23	0,2
Hành	11.347	545	1.981,91	0,18	0,01
Cải thảo	11.244	10.114	11,17	0,18	0,21

Chủng loại	8 tháng năm 2026 (Nghìn USD)	8 tháng năm 2025 (Nghìn USD)	So sánh (%)	Tỷ trọng (%)	
				8 tháng năm 2026	8 tháng năm 2025
Súp lơ	11.107	10.644	4,35	0,18	0,22
Tắc	9.742	9.508	2,47	0,16	0,2
Đỗ xanh	9.460	3.699	155,73	0,15	0,08
Măng	9.179	8.009	14,61	0,15	0,17
Đậu bắp	9.050	9.176	-1,37	0,15	0,19
Nghệ	8.971	7.750	15,75	0,15	0,16
óc chó	8.191	4.216	94,31	0,13	0,09
Cà rốt	8.163	8.414	-2,98	0,13	0,17
Mút	7.995	5.568	43,59	0,13	0,12
Quýt	7.211	152	4.638,21	0,12	0
Thạch	6.827	6.037	13,08	0,11	0,13
Cam	6.238	8.641	-27,81	0,1	0,18
Sả	6.180	4.504	37,2	0,1	0,09
Bắp cải	6.141	6.518	-5,79	0,1	0,14
Nho	5.771	3.006	91,99	0,09	0,06
Táo	5.383	1.540	249,56	0,09	0,03
Hoa lan hồ điệp	5.148	4.857	5,99	0,08	0,1
Me	5.020	2.927	71,53	0,08	0,06
Xà lách	5.003	3.390	47,58	0,08	0,07

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan

Một số quy định, chính sách tác động đến hoạt động xuất khẩu mặt hàng rau quả thời gian tới:

Đơn giản hóa thủ tục cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói

Ngày 31/7/2026, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP về đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói, điều chỉnh, bổ sung một số quy định tại Nghị định số 38/2026/NĐ-CP. Theo đó, việc cấp và quản lý mã số được thực hiện toàn trình trên môi trường mạng; hồ sơ, trình tự và thẩm quyền giải quyết được đơn giản hóa, đồng thời tăng cường cơ chế hậu kiểm, giám sát và truy xuất nguồn gốc. Đối với vùng trồng, cơ sở đóng gói đăng ký xuất khẩu sang thị trường có yêu cầu về mã số, cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra các điều kiện kỹ thuật tương ứng. Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 31/7/2026.

Quy định này góp phần giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và hợp tác xã mở rộng vùng nguyên liệu phục vụ xuất khẩu. Tuy nhiên, việc đơn giản hóa thủ tục không đồng nghĩa với giảm yêu cầu về chất lượng và an toàn sản phẩm. Các cơ sở cần chủ động cập nhật thông tin vùng trồng, cơ sở đóng gói, duy trì hồ sơ sản xuất và đáp ứng yêu cầu riêng của từng thị trường nhập khẩu; tránh tình trạng có mã số nhưng không duy trì đầy đủ điều kiện kỹ thuật trong quá trình sản xuất và xuất khẩu.

Trung Quốc áp dụng quy định mới về đăng ký cơ sở sản xuất thực phẩm nhập khẩu

Từ ngày 1/6/2026, Lệnh 280 của Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GACC) chính thức có hiệu lực, thay thế Lệnh 248 về đăng ký và quản lý cơ sở sản xuất thực phẩm ở nước ngoài xuất khẩu vào Trung Quốc. Quy định mới điều chỉnh cơ chế đăng ký, quản lý và giám sát theo hướng tăng trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc bảo đảm an toàn thực phẩm, hoàn thiện hồ sơ và duy trì khả năng truy xuất nguồn gốc. Bộ Công Thương cũng đã thông tin, hướng dẫn doanh nghiệp về việc triển khai quy định này trong năm 2026.

Đối với ngành rau quả, doanh nghiệp cần rà soát phạm vi sản phẩm và hình thức đăng ký áp dụng cho từng loại hàng hóa, đặc biệt đối với rau quả sấy khô, trái cây sấy và các sản phẩm chế biến thuộc danh mục quản lý. Đồng thời, cần kiểm tra thông tin đăng ký trên hệ thống của phía Trung Quốc, bảo đảm hồ sơ và thông tin doanh nghiệp thống nhất, đầy đủ trước khi xuất khẩu. Việc tuân thủ quy định mới có ý nghĩa quan trọng trong duy trì hoạt động xuất khẩu chính ngạch, hạn chế nguy cơ chậm thông quan hoặc phát sinh chi phí do hồ sơ không đáp ứng yêu cầu.

Bên cạnh đó, trong tháng 5/2026, cơ quan chuyên môn của Việt Nam đã triển khai hướng dẫn về các nghị định thư kiểm dịch thực vật đối với bưởi tươi và chanh tươi xuất khẩu sang Trung Quốc. Các yêu cầu liên quan đến vùng trồng, cơ sở đóng gói, đối tượng kiểm dịch và ghi chép hồ sơ cần được thực hiện theo đúng quy định của nghị định thư tương ứng. Đây là cơ sở để doanh nghiệp khai thác thêm cơ hội xuất khẩu chính ngạch, song hiệu quả thực tế phụ thuộc vào khả năng đáp ứng các điều kiện kỹ thuật và tổ chức nguồn cung đạt chuẩn.

Gia tăng áp lực "Xanh hóa" và Phát thải rác thải:

Các nhà bán lẻ Châu Âu và Bắc Mỹ đẩy mạnh áp dụng hệ thống định giá linh hoạt (dynamic pricing) và quản lý hạn sử dụng chặt chẽ nhằm giảm thiểu lãng phí thực phẩm. Các quy định về đóng gói xanh (giảm nhựa dùng một lần) tại EU tiếp tục buộc các doanh nghiệp xuất khẩu từ các nước đang phát triển phải thay đổi bao bì packaging.

Đánh giá triển vọng:

Đánh giá nhu cầu tiêu dùng rau quả trên thế giới:

Theo các báo cáo theo dõi thị trường tiêu dùng của Circana, NielsenIQ và IFPA, nhu cầu tiêu dùng rau quả tươi trên thế giới nhìn chung vẫn duy trì ổn định. Tuy nhiên, tăng trưởng thị trường có xu hướng đến từ sự gia tăng giá trị tiêu thụ, gắn với nhu cầu đối với các sản phẩm chất lượng cao, giàu dinh dưỡng và có giá trị gia tăng, thay vì chỉ dựa vào tăng trưởng sản lượng. Các nhóm sản phẩm được người tiêu dùng quan tâm gồm trái cây giàu dinh dưỡng như việt quất, bơ, kiwi và nho; trái cây sơ chế, cắt sẵn; cùng các loại trái cây nhiệt đới phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong các dịp lễ hội cuối năm tại châu Á. Bên cạnh đó, nhu cầu đối với trái cây cắt sẵn, rau củ đông lạnh theo phương pháp cấp đông rời (IQF) và salad đóng gói tiếp tục có tiềm năng tăng tại các đô thị, trong bối cảnh người tiêu dùng ngày càng ưu tiên sự tiện lợi. Ngược lại, đối với các mặt hàng rau củ thiết yếu như khoai tây, hành và bắp cải, yếu tố giá cả vẫn có ảnh hưởng đáng kể đến quyết định mua sắm khi chi phí thực phẩm còn tạo áp lực lên chi tiêu hộ gia đình.

Trong thời gian tới, nhu cầu rau quả thế giới được dự báo tiếp tục duy trì, song chưa có nhiều cơ sở để kỳ vọng tăng trưởng đột biến trên diện rộng. Đồng thời, các thị trường nhập khẩu ngày càng chú trọng các yêu cầu về an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, kiểm dịch thực vật và tính đồng đều của chất lượng sản phẩm. Vì vậy, khả năng duy trì tăng trưởng xuất khẩu không chỉ phụ thuộc vào việc mở rộng sản lượng mà còn đòi hỏi doanh nghiệp nâng cao chất lượng, củng cố chuỗi cung ứng, tăng cường năng lực bảo quản và chế biến, đồng thời đa dạng hóa thị trường xuất khẩu nhằm giảm thiểu rủi ro và nâng cao giá trị sản phẩm.

Triển vọng xuất khẩu rau quả của Việt Nam:

Triển vọng xuất khẩu rau quả của Việt Nam trong những tháng cuối năm 2026 nhìn chung khá tích cực. Kim ngạch xuất khẩu trong 8 tháng đầu năm tăng 27,7% so

với cùng kỳ năm 2025, trong khi riêng tháng 8 đạt mức cao nhất kể từ đầu năm. Kết quả này cho thấy nhu cầu tại các thị trường chủ lực vẫn là động lực quan trọng đối với hoạt động xuất khẩu rau quả của Việt Nam. Đáng chú ý, xuất khẩu sang Trung Quốc, Hoa Kỳ, EU, Hàn Quốc, Nhật Bản và một số thị trường khác ghi nhận diễn biến tích cực, tạo dư địa để ngành tiếp tục mở rộng thị trường trong thời gian tới. Về cơ cấu mặt hàng, sầu riêng, dưa, chanh leo, mít cùng một số sản phẩm có kim ngạch tăng nhanh được kỳ vọng tiếp tục đóng góp vào tăng trưởng, nếu nguồn cung được duy trì ổn định, chất lượng đáp ứng yêu cầu của thị trường và hoạt động xuất khẩu không gặp trở ngại lớn.

Tuy nhiên, triển vọng xuất khẩu giữa các thị trường và nhóm hàng vẫn có sự khác biệt. Trung Quốc hiện chiếm khoảng 63% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam, trong khi sầu riêng chiếm 44,27%. Mức độ tập trung tương đối cao vào một thị trường và một mặt hàng chủ lực khiến kim ngạch xuất khẩu toàn ngành có thể chịu ảnh hưởng đáng kể khi nhu cầu tiêu dùng, quy định nhập khẩu hoặc yêu cầu kiểm soát chất lượng tại thị trường này thay đổi. Do đó, bên cạnh việc duy trì thị phần tại Trung Quốc, việc mở rộng xuất khẩu sang các thị trường khác, đa dạng hóa chủng loại sản phẩm và nâng cao khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn nhập khẩu sẽ có ý nghĩa quan trọng đối với tính bền vững của tăng trưởng.

Quý IV/2026 là giai đoạn có nhiều cơ hội thúc đẩy xuất khẩu rau quả, nhờ nhu cầu tiêu dùng tăng trong mùa lễ hội cuối năm và hoạt động chuẩn bị nguồn hàng phục vụ Tết Nguyên đán 2027. Các mặt hàng như sầu riêng vụ nghịch, dưa tươi, chuối và rau quả chế biến có thể tiếp tục đóng góp tích cực, tùy thuộc vào khả năng bảo đảm nguồn cung, chất lượng và diễn biến nhu cầu tại từng thị trường. Nếu duy trì được kim ngạch xuất khẩu bình quân khoảng 800 triệu USD đến 1 tỷ USD/tháng trong các tháng cao điểm cuối năm, xuất khẩu rau quả của Việt Nam có khả năng đạt khoảng 8,0 - 8,5 tỷ USD trong cả năm 2026, qua đó thiết lập mức cao kỷ lục mới. Tuy nhiên, khả năng đạt được mục tiêu này vẫn phụ thuộc vào diễn biến thị trường, tiến độ thông quan, việc đáp ứng các yêu cầu nhập khẩu và khả năng duy trì đà tăng trưởng của những mặt hàng xuất khẩu chủ lực.